

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư năm 2019 tại thôn 2,
xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 7353/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc Phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 2, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 250/TĐ-KTHT ngày 15/9/2021; Chủ tịch UBND xã Thọ Tân tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 09/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư năm 2019 tại thôn 2, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư năm 2019 tại thôn 2, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- 3. Địa điểm xây dựng:** Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- 4. Tổng diện tích mặt bằng quy hoạch:** 4.510,0 m².
- 5. Chủ đầu tư:** UBND xã Thọ Tân.

6. Đơn vị khảo sát, lập Báo cáo KT - KT đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại A&A.

7. Giải pháp thiết kế:

7.1. Đường giao thông.

a) Bình đồ hướng tuyến:

Tuyến đường được thiết kế theo quy hoạch được duyệt của khu dân cư. Điểm đầu Km0+00 giao với đường giao thông liên xã đi Quốc Lộ 47, điểm cuối Km0+41,00 nối với đường giao thông nội đồng, chiều dài tuyến L=41,00m.

b) Trắc dọc tuyến:

Cao độ tuyến đường được thiết kế tuân thủ với mặt bằng quy hoạch được duyệt và phù hợp với các tuyến đường hiện trạng.

Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=0,15\%$ với chiều dài 26,2m.

c) Mặt cắt ngang:

- Bề rộng nền đường: $B_n = (13,2 \text{ :-} 15,2)\text{m};$
- Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m};$
- Bề rộng lề trái: $B_{LT} = (3,7 \text{ :-} 5,7)\text{m};$
- Bề rộng lề phải + RTN hiện trạng: $B_{LP} = 4,0\text{m};$
- Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%;$

d) Kết cấu nền, mặt đường:

- Mặt đường bằng lớp CPĐD loại II dày 18cm;
- Nền đường, lề đường đắp đất đá thải đầm chặt, độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$. Hệ số mái taluy đắp $m=1,5$. trước khi đắp được đào bỏ lớp bùn, phong hóa.

7.2. Công trình thoát nước

Rãnh thoát nước được thiết kế phía sau lô đất quy hoạch chiều dài L=139,80m, mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước $b \times h = (0,5 \times 0,7)\text{m}$. Kết cấu rãnh như sau:

- Đáy rãnh BTXM M200#, đá 1x2, dày 15cm trên lớp đệm móng đá 4x6, dày 10cm;
- Thành rãnh xây gạch không nung đặc VXM M75#, dày 22cm;
- Trát thành trong, ngoài rãnh VXM M75#, cứ 10m cắt 01 khe co giãn bằng giấy dầu tâm nhựa đường;
- Thanh giằng có kích thước (70x12x12)cm đổ BTCT M250# đá 1x2, cứ 2,5m/1 thanh.

8. Giá trị dự toán và nguồn vốn.

8.1. Giá trị dự toán: 265.162.000đ.

(Hai trăm sáu lăm triệu, một trăm sáu hai nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	221.056.000 đ
- Chi phí QLDA	4.442.020 đ
- Chi phí TVĐTXD	22.594.545 đ
- Chi phí khác	4.443.019 đ
- Chi phí dự phòng 5%	12.626.779 đ

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8.2. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Giao UBND xã Thọ Tân (Chủ đầu tư): Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Thọ Tân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ NĂM 2019 TẠI THÔN 2,
XÃ THỌ TÂN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA.**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	200.960.000	20.096.000	221.056.000
1	Đường giao thông và rãnh thoát nước	200.960.000	20.096.000	221.056.000
II	CHI PHÍ QLDA	4.442.020		4.442.020
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	20.540.495	2.054.050	22.594.545
1	Khảo sát	3.728.182	372.818	4.101.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	11.655.680	1.165.568	12.821.248
3	Giám sát thi công xây dựng	5.156.634	515.663	5.672.297
IV	CHI PHÍ KHÁC	4.200.585	242.434	4.443.019
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	25.190		25.190
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	1.031.327		1.031.327
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	719.726		719.726
4	Kiểm toán	2.424.342	242.434	2.666.776
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	11.507.155	1.119.624	12.626.779
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	11.507.155	1.119.624	12.626.779
	TỔNG CỘNG	241.650.255	23.512.108	265.162.363
	LÀM TRÒN			265.162.000

(Hai trăm sáu lăm triệu, một trăm sáu hai nghìn đồng)